

Bản án số: 372/2025/DS - ST

Ngày: 28/8/2025

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Tiến Bình

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 (cơ sở 1) - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2025/DSST ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Trụ sở: 266-268 N, phường X (tên cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991. Địa chỉ: 2 N, phường X (tên cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 1048/2024/UQ-TT.XLN ngày 08/8/2024). Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; Địa chỉ: 8 P, phường T (tên cũ: Phường B, Quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 07/7/2022 Bà H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Platinum số thẻ 436438 – 4266 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng. Ngày 21/4/2023, bà H tiếp tục thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 (viết tắt là S1) với số tiền giải ngân là 10.000.000 đồng. Ngày 24/5/2023, bà H thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 với số tiền giải ngân là 11.000.000 đồng. Ngày 24/6/2023, bà H thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 với số tiền giải ngân là 15.000.000 đồng. Đến ngày 20/7/2023, bà H thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S1 với số tiền giải ngân là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Platinum số thẻ 436438 – 4266: Sau khi được cấp tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 207.705.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 160.321.369 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau thời gian sử dụng bà H không có thiện chí trả nợ. Do Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà H chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn.

Đối với các khoản vay tiêu dùng S2: Bà H đã được ngân hàng giải ngân số tiền 46.000.0000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng 9.140.000 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024:

- + Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Platinum số thẻ 436438-4266 là: 67.561.528 đồng (gồm nợ gốc: 50.080.638 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.480.890 đồng).

- + Đối với các khoản vay tiêu dùng S1 giải ngân là: 50.673.016 đồng (gồm nợ gốc: 41.340.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.333.016 đồng).

- Kể từ ngày 06/8/2024, bà Nguyễn Thị Thu H còn tiếp tục phải trả các khoản lãi phát sinh đối với thẻ tín dụng V 436438 – 4266 và các khoản vay S1 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H không đến tòa trình bày ý kiến dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự về việc trình bày ý kiến. Ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, do Bị đơn không có thiện chí trả nợ và

không đến Tòa làm việc, không có thiện chí hòa giải về tranh chấp nên đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, và đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần thứ nhất vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 06 tháng 8 năm 2025 nhưng Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Để tạo điều kiện cho Bị đơn đến Tòa án trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2025 tổng cộng là: 169.037.748 đồng (gồm nợ gốc là 91.420.638 đồng, nợ lãi quá hạn là 77.617.110 đồng). Trong đó:

+ Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Platinum 436438 – 4266 là 91.675.728 đồng (trong đó: Nợ gốc là 50.080.638 đồng, lãi quá hạn là 41.595.090 đồng).

+ Đối với các khoản vay tiêu dùng S1 là 77.362.020 đồng (trong đó: Nợ gốc là 41.340.000 đồng, lãi quá hạn là 36.022.020 đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/8/2025 đối với thẻ tín dụng V 436438 – 4266 và các khoản vay S1 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn yêu cầu Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền vay từ hợp đồng tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Tại Kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978 đăng ký thường trú tại 8 P, Phường B, quận T; tạm trú: 34/5/22A C, KP17, Phường A,

quận T”. Tuy nhiên, tại Kết quả xác minh của Công an P1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978 có đăng ký tạm trú tại C C, KP17, Phường A, quận T nhưng không thực tế cư trú tại địa chỉ trên” nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về người tham gia tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 06 tháng 8 năm 2025, lần thứ hai ngày 28 tháng 8 năm 2025), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại 91.420.638 đồng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xét thấy*:

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 07/7/2022 và 04 khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S1. Theo đó, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.00.000 đồng và giải ngân số tiền 46.000.000 đồng vào tài khoản của Bị đơn đối với các khoản vay trên ứng dụng S1 Pay cho Bị đơn với mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Nguyễn Thị Thu H thì tính đến ngày 29 tháng 8 năm 2025, Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 91.420.638 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 91.420.638 đồng là phù hợp khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của Nguyên đơn*:

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của bà Nguyễn Thị Thu H, đối với số tiền vốn 91.420.638 đồng, thì lãi quá hạn là 77.617.110 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*”. Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng N ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*”.

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm thanh toán giữa Nguyên đơn và Bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi quán hạn đến ngày

28 tháng 8 năm 2025 là 77.617.110 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán*: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 10/2023, Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 8.451.887 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:*

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2025 là 169.037.748 (một trăm sáu mươi chín triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám) đồng (gồm nợ gốc là 91.420.638 đồng, nợ lãi quá hạn là 77.617.110 đồng). Trong đó:

+ Đối với thẻ tín dụng Visa Credit Platinum 436438 – 4266 là 91.675.728 đồng (trong đó: Nợ gốc là 50.080.638 đồng, lãi quá hạn là 41.595.090 đồng).

+ Đối với các khoản vay tiêu dùng S1 là 77.362.020 đồng (trong đó: Nợ gốc là 41.340.000 đồng, lãi quá hạn là 36.022.020 đồng).

+ Kể từ ngày 29/8/2025, bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh đối với thẻ tín dụng V 436438 – 4266 và các khoản vay S1 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.451.887 (tám triệu bốn trăm năm mươi một nghìn tám trăm tám mươi bảy) đồng.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.955.864 (hai triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi bốn) đồng là tiền tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp theo biên lai số 0003461 ngày 04/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 -Thành phố Hồ Chí Minh).

3. *Quyền kháng cáo, kháng nghị*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. *Về nghĩa vụ thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND KV4-TP.HCM;
- Phòng THADS KV4-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Long

